|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TÓM TẮT TIỂU SỬ, Ý NGHĨA SỰ KIỆN TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐẶT MỚI**

*(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày / /2021 của UBND thành phố Trà Vinh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tuyến đường hiện hữu** | **Điểm đầu** | **Điểm cuối** | **Chiều dài**  **(m)** | **Hiện trạng Lòng đường**  **(m)** | **Bề rộng vỉa hè**  **(m)** | **Kết cấu mặt đường** | **Tên đường dự kiến đặt mới** | **Tiểu sử/ý nghĩa sự kiện** |
|  | Tuyến B  (Khóm 2 - Phường 1) | 19/5 | Trương Văn Kỉnh | 407,71 | 6 | 2 x1.5 | Nhựa nóng | **Nguyễn Hữu Tiến**  **(1901-1940)** | Nguyễn Hữu Tiến, nguyên là thầy giáo, sinh ngày 5/3/1901 tại xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam ngày nay. Nǎm 1927, Nguyễn Hữu Tiến tham gia tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Nǎm 1931 ông bị bắt và bị địch đưa ra nhà tù Côn Đảo. Nǎm 1935, ông cùng một số tù chính trị vượt ngục Côn Đảo, trở về đất liền, ông hoạt động cách mạng tại Cần Thơ, sau đó được phân công phụ trách công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu cách mạng. Chính trong thời gian này, ông được Xứ uỷ Nam Kỳ trao nhiệm vụ vẽ cờ Tổ quốc để sử dụng trong các cuộc đấu tranh. Ông đã vẽ lá cờ có nền đỏ và ngôi sao vàng nǎm cánh, thể hiện ý tưởng máu đỏ da vàng, tượng trưng cho dân tộc và sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân bao gồm sĩ, nông, công, thương, binh trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.  Tâm huyết của tác giả khi sáng tạo ra lá cờ Tổ quốc được khắc họa rõ nét trong bài thơ của ông:  "Hỡi những ai máu đỏ da vàng  Hãy chiến đấu dưới cờ thiêng Tổ quốc  Nền cờ thắm máu đào vì nước  Sao vàng tươi, da của giống nòi  Đứng lên mau hồn nước gọi ta rồi  Hỡi sỹ nông công thương binh  Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh."  Mẫu cờ do Nguyễn Hữu Tiến vẽ đã được Xứ uỷ Nam Kỳ nhất trí và đã xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940, sau đó xuất hiện ở nhiều nơi trong phong trào Việt Minh (1941 - 1945).  Nǎm 1945, Hồ Chủ Tịch đã ký sắc lệnh quy định mẫu Quốc kỳ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nền đỏ với ngôi sao vàng nǎm cánh như mẫu vẽ của Nguyễn Hữu Tiến. Ngày 02/9/1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập. Quốc hội khoá 1 ngày 02/3/1946 quy định cụ thể: ngôi sao vàng nǎm cánh đặt giữa nền đỏ hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài. |
|  | Tuyến 2B  (Khóm 2 - Phường 1) | Võ Văn Kiệt | Giáp hẻm sau Công viên trung tâm | 488,28 | 6 | 2 x 1.5 |  | **Lâm Văn Vững**  **(1919-2005)** | Sinh năm: 1919; quê quán: Xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; nơi ở hiện nay gia đình: Khóm II, Thị trấn Trà Cú, Trà Cú, Trà Vinh; Chức vụ: Nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Do vết thương tái phát, đồng chí đã từ trần 22/02/2005 (được công nhận liệt sĩ).  Đồng chí Lâm Văn Vững từ một thiếu niên đi ở đợ cho địa chủ đã tham gia hoạt động cách mạng và góp phần cùng Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo đánh địch trên nhiều mặt trận.  Thời kỳ 1952 - 1953 thực dân Pháp tái chiếm lại huyện Trà Cú, chúng tuyên truyền, kích động hận thù giữa người Khmer với người Kinh, xúi giục người Khmer ở La Bang dùng dao, búa để tìm người Kinh tiêu diệt. Đồng chí đã lãnh đạo Đảng bộ, quân và dân trong huyện tuyên truyền tình đoàn kết Kinh- Khmer và trực tiếp tìm những người Khmer có uy tín vận động đồng bào không nghe theo lời xúi giục của giặc Pháp, giúp họ hiểu nhau, cùng làm ăn sinh sống và đoàn kết tham gia kháng chiến.  Năm 1954 đồng chí Lâm Văn Vững trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện ám sát, tiêu diệt tên Quản Xây tại chợ Đại An. Ngày 04/4/1958 đồng chí bị địch bắn trọng thương và bị địch bắt, chúng đưa đồng chí đi tù đày ở khám lớn Trà Vinh, mặc dù bị tra tấn dã man, địch ra điều kiện nếu đồng chí xé cờ Đảng Cộng sản Việt Nam thì chúng sẽ tha tù. Với khí tiết của người chiến sĩ Cộng sản, không khuất phục trước kẻ thù, không vì lợi ích cá nhân mà phản bội Tổ quốc, đồng chí kiên quyết không xé cờ Đảng và không nghe theo lời dụ dỗ của địch. Cuối cùng, bị địch bẻ gãy một đoạn xương trên cánh tay trái chỉ còn thịt và gân, làm cho đồng chí Lâm Văn Vững phải bị thương tật vĩnh viễn (hình ảnh đó còn được trưng bày tại Nhà Trưng bày tội ác Mỹ - Ngụy tại Nhà Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh) sau đó Tòa án Ngụy quyền Sài Gòn xử án đồng chí Lâm Văn Vững 20 năm tù khổ sai. Bị đày ra Côn Đảo, bị nhốt trong chuồng bò, hầm cọp và chịu nhiều hình thức tra tấn rất dã man của bọn Mỹ - Ngụy, nhưng đồng chí vẫn kiên định và giữ vững khí tiết của người chiến sĩ Cộng sản;  Đến năm 1974 được trao trả tù binh tại Lộc Ninh, đồng chí tiếp tục liên lạc với cơ sở của ta để tham gia cách mạng. Đến ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, đồng chí Lâm Văn Vững về công tác tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và được nghỉ hưu vào năm 1977. Sau đó, do vết thương cũ tái phát, đồng chí đã qua đời vào năm 2005 và được Thủ tướng Chính phủ công nhận Liệt sĩ theo Quyết định số 851/QĐ-TTg, ngày 13/6/2006.  Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước khen thưởng 01 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì; 01 Huy hiệu 55 tuổi Đảng và nhiều bằng khen cao quý khác. |
|  | Đường D1  (Khóm 4 - Phường 1) | Trương Văn Kỉnh | Ngô Quốc Trị (nối dài) | 424 | 9 | 2 x 2.5 | Nhựa | **Nguyễn Thị Định**  **(1920-1992)** | Là nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, còn gọi là Ba Định. Bà có các bí danh: Bích Vân, Ba Tấn, Ba Nhất và Ba Hận, quê ở xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Năm 1936, bà tham gia phong trào Đông Dương. Năm 1938, bà kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng Tám năm 1945, bà tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Bến Tre. Năm 1946, bà tham gia đoàn cán bộ miền Nam ra Bắc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ để báo cáo tình hình kháng chiến ở Nam bộ và xin chi viện vũ khí. Năm 1974, bà được phong quân hàm Thiếu tướng quân đội Nhân dân Việt Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975, bà giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước, Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, V, VI;... Năm 1992, bà từ trần tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 72 tuổi. |
|  | Đường vào Khu tái định cư Phường 1  (Khóm 4 - Phường 1) | Võ Văn Kiệt (ngã tư Võ Văn Kiệt- Ngô Quốc Trị) | Cuối đường | 338 | 7 |  | Nhựa | **Ngô Quốc Trị** | Ngô Quốc Trị (nối dài) |
|  | Đường bên hông Sở Nông nghiệp  (Khóm 4 - Phường 1) | Phạm Ngũ Lão | Cuối đường (dự kiến đấu nối đường Ngô Quyền nối dài) | 317 | 7 | 1 x 2.5 | Nhựa | **Lưu Hữu Phước**  **(1921-1989)** | Sinh tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Trước 1945, ông hoạt động trong phong trào sinh viên yêu nước. Sau Cách mạng ông đảm nhiệm công tác xuất bản, thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn học, nghệ thuật và thanh, thiếu niên.  Sau 1945, ông giữ nhiều chức vụ: Trưởng ban nghiên cứu âm nhạc, Vụ trưởng Vụ Nhạc-múa, Ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Phó tổng thư ký Hội nhạc sĩ Việt Nam.  Năm 1965, ông trở về Nam kháng chiến chống Mỹ làm Trưởng tiểu ban văn nghệ của Trung ương cục, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hoá trong Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Ông còn là đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Âm nhạc. Giáo sư, Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức.  Là nhạc sĩ với các bút danh khác như: Huỳnh Minh Siêng, Long Hưng, Hồng Chí… các ca khúc để đời của ông có Tiếng gọi thanh niên, Giải phóng miền Nam, Lên Đàng, Tình Bác sáng đời ta, Khúc khải hoàn... Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. |
|  | Đường Đài truyền hình  (Khóm 4 - Phường 1) | Lê lợi | Cuối đường (dự kiến đấu nối đường Ngô Quyền nối dài) | 285 | 7 | 2 x 3 | Nhựa | **Trần Văn Long**  **(1925 - 2008)** | Đồng chí Trần Văn Long, bí danh Mười Dài, sinh năm 1925, tại xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.  - Từ tháng 6/1945- 3/1946 đồng chí tham gia cách mạng là cán bộ tuyên truyền và gây dựng cơ sở Việt Minh ở xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Cửu Long.  - Từ tháng 4/1946 - 12/1947 đồng chí là thư ký Ủy ban Hành chính, rồi Trưởng Công an xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng chí chấp hành tuyệt đối sự phân công, điều động của Đảng, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, tháng 11 năm 1946 đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).  - Từ năm 1948 - 1953 đồng chí lần lượt giữ các chức vụ: Thư ký Ủy ban Hành chính huyện, Bí thư Đảng đoàn huyện Trà Cú, Huyện ủy viên - Trưởng Ban Quân báo Địch vận huyện Trà Cú, Phó Bí thư Trưởng Công an, Bí thư Huyện ủy - Chính trị viên Huyện đội Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.  - Từ năm 1954 - 1961 đồng chí giữ các chức vụ: Tỉnh ủy viên - Trưởng Ban Thanh vận, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách tuyên huấn và lực lượng võ trang ngầm, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh.  - Năm 1962 đồng chí giữ chức vụ Khu ủy viên Khu Tây Nam Bộ - Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ.  - Từ năm 1963 - 1972 đồng chí lần lượt giữ các chức vụ Khu ủy viên, Ủy viên Thường vụ Khu ủy, Phó Bí thư, Phó Chính ủy Quân khu 9.  - Từ 1973 - 1975 đồng chí giữ chức vụ Phó Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ phụ trách dân vận, binh vận, tuyên huấn.  - Từ tháng 1/1976 - 4/1977 đồng chí giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV.  - Từ tháng 5/1977 - 12/1978 đồng chí giữ chức vụ UVBCHTƯ Đảng - Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang.  - Từ tháng 1/1979 - 9/1985 tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên BCH Trung ương Đảng khoá V và giữ chức Phó trưởng Ban cải tạo Nông nghiệp miền Nam, Phó trưởng Ban Cải tạo Nông nghiệp Trung ương.  - Từ tháng 10/1985 - 7/1989 đồng chí giữ chức vụ Phó trưởng Đoàn chuyên gia Việt Nam tại Camphuchia, Bí thư Đảng ủy Đoàn chuyên gia.  - Từ tháng 8/1989 do tuổi cao đồng chí được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chính sách.  Những năm tháng nghỉ hưu, đồng chí tiếp tục tham gia Ban ký sử Tây Nam Bộ.  Với những công lao đóng góp và quá trình phấn đấu rèn luyện trong 63 năm hoạt động cách mạng đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Ăng co, Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng, và nhiều bằng khen, giấy khen khác. |
|  | Đường vào Chợ Phường 1  (Khóm 3 - Phường 1) | Lê Lợi | Bạch Đằng | 500 | 6 | - | Nhựa | **Lê Lai** | Ông là danh tướng, có tên là Nguyễn Thân, theo phò Lê Lợi đổi tên là Lê Lai, quê thôn Dang Ta, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa. Ông tham gia dưới cờ Bình Định Vương Lê Lợi kháng Minh cứu quốc. Năm 1416, tại Lũng Nhai, ông cùng Bình Định Vương và 17 tướng lĩnh tâm phúc thề sống chết có nhau, được trao chức *Đô tổng quản,*tước *Quan Nội Hầu.*  Khoảng cuối năm 1418, quân Minh vây ngặt ở vùng Chí Linh, Lê Lai tình nguyện giả nhà vua, đem 500 quân, 2 thớt voi, thẳng tới trại giặc khiêu chiến. Quân Minh vây đánh. Ông chiến đấu đến lúc kiệt sức, để cho chúng bắt và đã hy sinh.  Khi Lê Lợi lên ngôi vua, truy tặng ông là Đệ nhất công thần. Năm 1429, truy phong là Thái úy. Đời Nhân tông 1443, truy tặng là Bình chương Quân quốc trọng sự, tước là Huyện Thượng Hầu. Đời Thánh Tông lại tặng là Thái phó, tước Diên Phúc Hầu, truy phong là Trung Túc Vương. Đời nhà Nguyễn, Gia Long liệt ông vào hàng khai quốc công thần đệ nhất triều Lê. |
|  | Đường làng nghề Phường 4  (Ấp Long Bình - Phường 4) | Chu Văn An | Bạch Đằng (Xây lấp xáng cũ) | 1970 | 3.5 - 5 |  | Nhựa | **Lương Định Của (1920 - 1975)** | Là một nhà nông học, nhà tạo giống của Việt Nam. Quê ở xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông là tác giả của nhiều loại giống cây trồng, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động năm 1967 và truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1995. |
|  | Đường Trường Chuyên Nguyễn Thiện Thành  (Ấp Long Bình - Phường 4) | Chu Văn An | Trường Lương Định Của | 590 | 6 |  | Nhựa | **Thủ Khoa Huân (1816-1875)** | Tên thật là Nguyễn Hữu Huân, người huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (Mỹ Tho). Ông đỗ đầu khoa thi Hương trường Gia Định dưới triều vua Tự Đức (1852), sau đó được bổ nhiệm làm giáo thụ tại huyện nhà. Ông tổ chức nghĩa quân kháng chiến chống Pháp tại Mỹ Tho, Châu Đốc. Năm 1864, ông bị địch bắt và đày sang đảo La Réunion, thuộc địa Pháp tại Châu Phi. Năm 1869, được thả về nước, ông cùng Âu Dương Lân tổ chức kháng chiến tại Định Tường. Năm 1875, bị quân Pháp bắt, chúng dùng nhiều thủ đoạn để lung lạc, mua chuộc nhưng không lay chuyển được ý chí người anh hùng. Không còn cách nào khác, chúng ra lệnh xử tử ông vào ngày 19/5/1875 |
|  | Đường vào khu Tái định cư Phường 4  (Ấp Long Bình - Phường 4) | Chu văn An (đối diện đường làng nghề) | Cuối đường kênh cầu tréo | 346 | 6 |  | Nhựa | **Nguyễn Duy Trinh (1910 - 1985)** | Là Chính khách Việt Nam. Ông từng giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam. Ông sinh trong một gia đình nông dân tại xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm 1925, ông đã tham gia phong trào học sinh đòi tự do hoạt động chính trị tại thành phố Vinh. Năm 1926, ông gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1930-1931, ông bị bắt và bị đày ra Côn Đảo, sau chuyển về Kon Tum. Tại đây, năm 1941, ông cùng một số bạn tù vượt ngục nhưng bị bắt lại.  Năm 1951, tại Đại hội Đảng lần thứ II, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và đến tháng 8/1955 đảm nhiệm chức vụ Bí thư Trung ương Đảng, là Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng suốt từ năm 1956 đến năm 1982. Năm 1982, tại Đại hội Đảng lần thứ V, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho đến khi mất. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến Chống Mỹ cứu nước hạng Nhất. |
|  | Đường D5  (Khóm 3, 4 - Phường 5) | Đường Hùng Vương | Nguyễn Thiện Thành | 1.423 | 6 | - | Nhựa | **Trần Văn Giàu (1911 -2010)** | Là nhà hoạt động cách mạng, nhà khoa học, nhà giáo Việt Nam; đồng chủ tịch danh dự Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (cùng với đại tướng Võ Nguyên Giáp). Từ năm 15 tuổi ông đã lên học tại Sài Gòn rồi sang du học tại Pháp và đến năm 1930 thì bị trục xuất về nước sau khi tham gia biểu tình trước dinh tổng thống Pháp đòi hủy án tử hình đối với các chiến sĩ cách mạng tham gia khởi nghĩa Yên Bái. Sau đó, ông tham gia cách mạng, bị thực dân Pháp bắt, kết án 5 năm đày đi Côn Đảo. Tháng 4/1940, ông ra tù tiếp tục hoạt động cách mạng, rồi lại bị địch bắt đưa đi giam ở Tà Lài và sau đó vượt ngục trở về, tiếp tục hoạt động cách mạng.  Năm 1943, ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam kỳ, lãnh đạo cách mạng tháng Tám ở miền Nam năm 1945 và được cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ.  Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ nhiều trọng trách trong bộ máy nhà nước, tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu ở lĩnh vực khoa học xã hội.  Ông vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân (1992), danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, giải thưởng Hồ Chí Minh, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác. |
|  | Đường vào KTX Đại học Trà Vinh  (Khóm 4 - Phường 5) | Nguyễn Thiện Thành | Cuối đường | 200 | 3,5 | 1 x 2 | Nhựa | **Trần Văn Giàu** | (Đặt cùng tên đường D5) |
|  | Đường Hẻm cơ  (Khóm 4 - Phường 5) | Dương Quang Đông | Đường D5 | 290 | 5 |  | Nhựa | **Văn Cao (1923-1995)** | Tên thật là Nguyễn Văn Cao, bút hiệu Văn Cao, quê gốc ở làng An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là nhạc sĩ tài hoa và cũng là một họa sĩ, một nhà thơ nổi tiếng; là tác giả bản nhạc *Tiến quân ca* (1946), sau năm 1976 trở thành Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông sáng tác nhiều ca khúc cách mạng nổi tiếng khác như: *Chiến sĩ Việt Nam, Hải quân Việt Nam, Không quân Việt Nam, Bắc Sơn, Làng tôi, Ngày mùa, Trường ca sông Lô, Tiến về Hà Nội, Mùa xuân đầu tiên...* |
|  | Đường Hẻm số 1  (Khóm 1 - Phường 5) | Vựa cừ tràm 2 Nghĩa | Giáp hẻm | 336,71 | 5.5 - 6 | - | Nhựa | **Trần Quốc Thảo (1914-1957)** | Là liệt sỹ cách mạng, tên thật là Hồ Xuân Lưu, quê làng Cổ Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.  Năm 1930, ông tham gia Đoàn Thanh niên ở quê nhà. Năm 1936, ông tham gia Mặt trận Dân chủ ở Quảng Trị, đến năm 1940 là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Trung kỳ. Năm 1941, sau khi đi dự hội nghị Trung ương Đảng ở Cao Bằng về, ông bị địch bắt ở Nghệ An. Năm 1942, ông vượt ngục nhưng rồi bị bắt lại và bị tăng án lên 20 năm. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, ông về hoạt động ở quê nhà.  Năm 1949, ông vào Nam Bộ làm Bí thư Ban Công vận Xứ ủy. Năm 1950, ông làm Thường vụ Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn kiêm Phó Tổng thư ký Công đoàn Việt Nam. Đến năm 1957, ông được bầu làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Sau đó, ông bị bắt tại Phú Nhuận, địch tra tấn dã man đến chết trong ngày 16/10/1957. |
|  | Đường hẻm số 2  (Khóm 1 - Phường 5) | Nhà công vụ | Hẻm 71 | 841 | 6 | - | Nhựa | **Đặng Thai Mai**  **(1902-1984)** | Ông sinh năm 1902, quê làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông là nhà nghiên cứu văn học, bút hiệu Thanh Tuyền. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng, có truyền thống yêu nước, lúc nhỏ học chữ Hán sau học chữ Pháp. Năm 1924, ông tốt nghiệp trung học ở Vinh, sau ông ra Hà Nội học Trường Cao đẳng Sư phạm. Năm 1928, ông được bổ dạy ở Trường Quốc học Huế.  Ông tham gia “Đảng Tân Việt” của Lê Văn Huân và bị bắt. Sau khi được trả tự do, ông về sinh sống và dạy học ở Hà Nội. Năm 1936, ông là hội viên hội “Truyền bá Quốc ngữ” và được Đảng Cộng sản Đông Dương giới thiệu ứng cử vào Viện Dân biểu Trung kỳ. Ông bắt đầu nghiên cứu Chủ nghĩa Mác- Lênin, viết báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp với tư tưởng tiến bộ, cách mạng công khai ở Hà Nội.  Ông là người đầu tiên viết về lý luận văn học theo quan điểm mác xít ở nước ta và nổi tiếng với tác phẩm *Văn học khái luận, Trên đường học tập và nghiên cứu, sách dịch có Lôi vũ, A.Q ...*Sau Cách mạng Tháng Tám, ông giữ nhiều chức vụ như: Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam... Ông mất năm 1984 và được Chính phủ nước CHXHCNVN tặng Huân chương Hồ Chí Minh. |
|  | Tuyến số 1  (Khóm 3 - Phường 6; Khóm 6 - Phường 9) | Nguyễn Đáng | Lê Văn Tám | 3000 | 9 | 2 x 5 | Nhựa | **Phạm Hùng (1912-1988)** | Tên thật là Phạm Văn Thiện, quê ở xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1930, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1945, ông được bầu làm Bí thứ Xứ uỷ lâm thời Nam Bộ. Từ 1956 - 1975, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Bí thư Trung ương Đảng, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục Miền Nam. Từ 1976 - 1987, ông giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. |
|  | Đường vào Phòng hậu cần Công an tỉnh (hẻm 16)  (Khóm 7, 8 - Phường 7) | Nguyễn Thị Minh Khai | Võ Văn Kiệt | 503 | 6 | 2 x 1.5 | Nhựa | **Võ Văn Tần**  **(1894-1940)** | Ông sinh năm 1894, quê làng Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc tỉnh Long An). Lúc trẻ ông học chữ Hán, sau học tiếp chữ Quốc ngữ.  Năm 1924-1925, ông tham gia *“Hội kín Nguyễn An Ninh”.* Năm 1926, ông gia nhập *“Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội”*. Cuối năm 1929, ông chuyển sang *An Nam Cộng sản Đảng* và được cử làm Bí thư Chi bộ đầu tiên ở Đức Hòa. Ngày 04/6/1930, ông trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình của nông dân xã Tân Phú tại huyện Đức Hòa. Thực dân Pháp khủng bố và kết án tử hình vắng mặt ông. Năm 1932, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Định. Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và sau được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Năm 1940, cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ sắp nổ ra thì ông bị bắt tại Hóc Môn. Ông bị tra tấn đến tàn phế nhưng vẫn giữ trọn khí tiết của người Cộng sản. Ông hy sinh ngày 28/8/1940 (46 tuổi) cùng một số đồng chí khác. |
|  | Đường hẻm số 17 (Sau trường Hướng Dương)  (Khóm 7 - Phường 7) | Nguyễn Đáng | Giáp đường Hậu cần CA tỉnh | 426 | 6 | - | Nhựa | **Tôn Thất Tùng ( 1912-1982)** | Là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Viện sĩ Viện hàn lâm Y học Liên Xô. Ông là giáo sư, đào tạo nhiều thế hệ bác sĩ tài năng tại trường Đại học Y khoa Hà Nội |
|  | Đường Đại đội Trinh sát  (Khóm 6 - Phường 7) | Võ Nguyên Giáp | Cuối đường (hướng mở đường nối dài ra đường sau trung tâm hội nghị) | 265 | 5,5 |  | Nhựa | **Trần Văn Khê (1921 -2015)** | Là một nhà nghiên cứu văn hóa, tên khai sinh là Trần Quang Khê, sinh tại làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho (nay là huyện Châu Thành, Tiền Giang) trong một gia đình có bốn đời làm nhạc sĩ, nên từ nhỏ ông đã làm quen với nhạc cổ truyền.  Ông là một nhà nghiên cứu văn hóa, âm nhạc cổ truyền nổi tiếng ở Việt Nam. Ông là Tiến sĩ ngành Âm nhạc học người Việt Nam đầu tiên tại Pháp và từng là Giáo sư tại Đại học Sorbonne, Pháp; thành viên danh dự Hội đồng Âm nhạc Quốc tế, UNESCO. Ông còn là người có bề dày trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, có công trong quảng bá âm nhạc Việt Nam nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung ra thế giới. Sau một thời gian bị bệnh nặng, ông qua đời ngày 24/6/2015, hưởng thọ 94 tuổi. |
|  | Đường nội bộ Ao Bà Om  (Khóm 4 - Phường 8) | Võ Nguyên Giáp | Nguyễn Du (cổng Ao Bà Om + giáp nhà nghỉ Thanh Trúc) | 1856 | 6 |  | Nhựa | **Đường Ao Bà Om** | Ao Bà Om là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Trà Vinh cũng như cả khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Danh thắng này tọa lạc tại Phường 8, thành phố Trà Vinh, cách trung tâm tỉnh lỵ hơn 5 km về hướng tây nam và cách quốc lộ 53 hơn 500 m về hướng đông.  Toàn bộ diện tích Ao Bà Om rộng hơn 300 ha, bao gồm ba phần chính là ao, bờ ao và rừng cây cổ thụ bao quanh ao.  Có nhiều truyền thuyết, chuyện kể khác nhau tồn tại song song nhau lý giải tên gọi Ao Bà Om. Trong đó, truyền thuyết của đồng bào dân tộc Khmer có nhiều chi tiết thú vị và được phổ biến rộng rãi. Truyền thuyết này kể rằng:  *…“Ngày xưa, người Khmer còn theo chế độ mẫu hệ nên nhà gái phải hỏi cưới và chịu toàn bộ phí tổn cưới xin cho nhà trai. Dần dần, chế độ phụ hệ hình thành nên phong tục cưới xin cũng thay đổi, nên xảy ra tranh chấp việc nhà gái hay nhà trai phải đi hỏi cưới. Để vừa giải quyết nguồn nước đảm bảo cuộc sống vừa giải quyết chuyện cưới xin duy trì nòi giống, phum sóc đặt ra cuộc thi đào ao giữa hai phái nam nữ, với thể lệ là cuộc thi diễn ra ban đêm, đến khi sao mai mọc quá ngọn cây là kết thúc.*  *Vào cuộc, cánh trai tráng cậy mình khỏe nên không vội vã, cứ nhậu nhẹt, nhảy múa đến tận khuya, rồi lăn ra ngủ. Cánh phụ nữ, dưới quyền chỉ huy của bà Om, biết mình sức yếu nên động viên nhau đào đắp thâu đêm. Giữa khuya, bà Om bày kế treo ngọn đèn gió lên cành cây. Cánh đàn ông đang say ngủ giật mình, mắt nhắm mắt mở, thấy ngọn đèn gió trên ngọn cây tưởng sao mai đã lên nên kéo nhau ra về, đúng như giao ước. Sáng ra, ao của phái nữ đã thành khoảnh, thẳng thớm, vuông vức và chứa đầy nước còn ao của phái nam thì nông choẹt, nham nhỡ, chẳng ra hình thù gì cả.*  *Cánh đàn ông không cách gì khác hơn phải nhận mình thua cuộc. Phong tục cưới xin truyền thống của dân tộc vẫn được duy trì và ao nước ngọt to lớn được hình thành giữa con giồng đất cát, đảm bảo cho cuộc sống con người sinh sôi, phát triển.*  *Để tưởng nhớ công lao của người đàn bà mưu trí, cộng đồng các dân tộc Trà Vinh lấy tên bà đặt thành tên ao – Ao Bà Om.”*…  Ao Bà Om được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hàng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, loại hình di tích Danh thắng, vào năm 1994. |
|  | Hẻm Agribank  (Khóm 6 - Phường 8) | Lê Văn Tám | Lê Hồng Phong | 552 | 5 |  | Nhựa | **Lê Văn Đẹt (Bảy Hiện)** | Sinh năm 1933; quê quán: ấp Long Điền, xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay của gia đình: ấp Long Điền, xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; chức vụ: nguyên Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn bộ binh 501, Tỉnh đội Trà Vinh; hy sinh: Tháng 9/1968.  Đồng chí Lê Văn Đẹt là một cán bộ quân sự được rèn luyện trong chiến đấu, trưởng thành từ một chiến sĩ trong một đơn vị địa phương quân của tỉnh. Trong suốt quá trình kháng chiến, đồng chí đã tham gia chiến đấu và chỉ huy chiến đấu hàng trăm trận, diệt hàng trăm tên địch, góp phần vào thành tích chung của Tiểu đoàn bộ binh 501, đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Với một số trận đánh tiêu biểu như:  Ngày 15/01/1966, tiểu đoàn phối hợp với địa phương quân Duyên Hải đưa quân về phục kích tại ấp Bào Sen (trên đoạn đường từ Long Khánh đến quận Long Toàn). Tiểu đoàn đảm nhiệm đánh chủ công, địa phương quân huyện Duyên Hải đón lỏng. Ngày 17/01/1966 (ngày 27 tết) địch đưa 01 đại đội bảo an từ Long Khánh lên chi viện cho Long Toàn. Khi bộ phận đi đầu của địch nằm gọn trong đội hình phục kích của ta. Đồng chí Lê Văn Đẹt chỉ huy đơn vị nổ súng, tiêu diệt toàn bộ đại đội địch, ta thu trên 60 súng các loại và 04 máy PRC25.  Ngày 07/8/1968 Mỹ mở cuộc hành quân càn quét tìm diệt lực lượng vũ trang ta trên diện rộng 06 xã của huyện Càng Long, ý đồ hỗ trợ cho lực lượng Sư đoàn 9 tái lấn chiếm. Đây là trận đầu tiên Bộ binh Mỹ đánh với quy mô cấp lữ đoàn có sự hỗ trợ về không quân, pháo binh, tàu chiến, thời gian kéo dài gần 10 ngày. Đồng chí Lê Văn Đẹt trên cương vị là Tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn 501 vẫn kiên quyết chỉ huy đơn vị, đánh trả quân Mỹ liên tục, đồng thời động viên đơn vị kiên quyết giữ vững trận địa, phản kích mạnh. Kết quả, trong gần một tuần chiến đấu, ta diệt và làm bị thương hàng trăm tên, bắn cháy 03 trực thăng, bắn chìm 03 tàu, thu nhiều súng các loại. Đồng chí bị thương và sau đó, ngày 20/9/1968 đồng chí đã hi sinh.  Trong suốt quá trình tham gia cách mạng, đồng chí được đảng, Nhà nước và Quân đội khen tặng những phần thưởng cao quý: Huân chương quân công hạng ba; Huân chương độc lập hạng ba; Huân chương kháng chiến hạng nhất; Huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba; Huân chương chống Mỹ hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba. |
|  | Hẻm (Lý Sơn Xây)  (Khóm 8 - Phường 8) | Sơn Vọng | Hẻm số 2 Lia’s 16 (nối Sơn Thông) | 520 | 6-4 |  | Nhựa | **Lâm Sắc (bí danh là Hai Dựng)** | Sinh năm 1919, quê xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, tham gia cách mạng vào tháng 8/1945, làm cơ sở mật, du kích mật, sau đó được phân công nhiệm vụ Trưởng Ban cán sự ấp Mé Láng, cán bộ nông hội xã Đại An, huyện Trà Cú. Ngày 08/02/1965, ông được kết nạp vào Đảng.  Ngày 20/7/1956, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ là ngày Tổng tuyển cử Hiệp thương thống nhất đất nước, nhưng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm không tôn trọng Hiệp định, lại còn thẳng tay đàn áp nhân dân. Được sự lãnh đạo của Huyện ủy Trà Cú, ông cùng cấp ủy vận động nhân dân tổ chức cuộc mittinh tại chợ Trà Kha, có tác động chính trị lớn. Từ năm 1961 đến năm 1965, qua nhiều cương vị công tác, ông lập được nhiều thành tích, đặc biệt là sau sự kiện địch ném bom 2 lần làm chính điện chùa Mé Láng đổ nát, nhà của nhân dân xung quanh chùa bị hư hại, nhiều người chết và bị thương, trong đó có trẻ em và chư tăng. Ông cùng cán bộ xã vận động trên 1.000 người cùng chư tăng 41 chùa trong huyện mang theo xác người chết, bị thương đến tề xã đấu tranh tố cáo tội ác Mỹ ngụy và đòi bồi thường. Tiếp theo, kéo đến dinh quận Trà Cú tiếp tục đấu tranh. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, quận trưởng Trà Cú và tỉnh trưởng Vĩnh Bình phải đứng ra trực tiếp giải quyết yêu sách của đoàn biểu tình.  Năm 1965, ông được điều động về công tác tại đơn vị 517 pháo binh Trà Vinh, Sau đó, được điều động về công tác tại tiểu đoàn 804, trung đoàn 808, Cục Hậu cần Quân khu 9, với chức vụ Đội trưởng của tàu không số, có nhiệm vụ vận chuyển vũ khí bằng đường sông và đường biển ở miền Đông về miền Tây Nam bộ. Qua 7 năm thực hiện nhiệm vụ nặng nề, khó khăn và nguy hiểm nhưng bằng lòng quả cảm, tính thông minh, sáng tạo, ông đã chỉ huy đơn vị vận chuyển được hàng nghìn tấn vũ khí, quân trang, quân dụng phục vụ chiến trường Tây Nam bộ. Riêng ông trực tiếp vận chuyển được 355 tấn.   Từ 1964-1979, ông được phân công nhiều nhiệm vụ, bất cứ trên cương vị công tác nào, ông đều phấn đấu vượt qua và lập được nhiều thành tích. Với những thành tích đó, ông được đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn Binh chủng, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng:  + 01 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 01 Huân chương Quân công hạng ba; 01 Huân chương Chiến công hạng ba; 03 Huân chương chiến sĩ Giải phóng hạng nhất, nhì, ba; 03 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba;   + Ba lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Quân khu.   + Ngày 15/01/1976, ông được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.   + Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.  Năm 1979, ông nghỉ hưu, sinh sống ở xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông là đại biểu HĐND tỉnh Cửu Long khóa II (1980 - 1985), đại biểu Quốc hội khóa IX (1990 -1995). Ông Lâm Sắc từ trần vào ngày 19/02/2008. |
|  | Đường số 1  (Khóm 7 - Phường 8) | Lê Văn Tám (chợ Lương Hòa) | Giáp đường hẻm số 2 | 536,80 | 6 | - | Nhựa | **Hoàng Quốc Việt (1905-1992)** | Là một chính khách Việt Nam. Ông sinh tại Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh). Năm 1930, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ. Năm 1941, ông tham dự Hội nghị VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Năm 1951, tại Đại hội II Đảng Cộng sản Việt Nam ông lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận-Mặt trận và giữ cương vị Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam. Năm 1960, ông được bầu làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội Hữu nghị Việt - Trung. Tháng 12/1976, trong Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ: Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), Chủ tịch danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Đại biểu Quốc hội từ khóa V- đến khóa VIII. |
|  | Đường số 2  (Khóm 7 - Phường 8) | Đường Sơn Vọng | Giáp chùa Pháp Quang | 838,30 | 6 | - | Nhựa | **Phạm Ngọc Thảo**  **( 1922-1965)** | Ông sinh năm 1922, tại Sài Gòn. Ông là nhà hoạt động tình báo (nguyên quán ở tỉnh Bến Tre). Sau khi tốt nghiệp tú tài, ông học ngành Công chánh. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông tham gia công tác ở Sài Gòn. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, ông làm giao liên, rồi trở thành cán bộ chỉ huy quân đội kháng chiến. Năm 1953-1954, ông là sĩ quan chỉ huy cấp Trung đoàn tại các chiến trường Tây Nam Bộ.  Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, ông ở lại miền Nam dạy học tại các trường tư thục ở Sài Gòn. Ông bị mật vụ của Pháp vây bắt, sau ông về dạy học tại thị xã Vĩnh Long. Ông được Giám mục Ngô Đình Thục giới thiệu với anh em ông Diệm, ông cùng gia đình lên sống ở Sài Gòn. Đầu năm 1956, ông làm việc ở Ngân hàng Quốc gia Sài Gòn, sau ông giữ cấp bậc “Đại úy đồng hóa” trong quân đội Sài Gòn. Từ đó ông được giữ nhiều chức vụ như: Tỉnh đoàn trưởng Bảo an Vĩnh Long, Chỉ huy trưởng Bảo an tỉnh Bình Dương, sau khi dự những lớp chỉ huy, tham mưu quân sự trong và ngoài nước ông được thăng Thiếu tá, làm việc tại Phủ Tổng thống. Tại đây, ông được anh em ông Diệm rất tin cậy trong các công tác chính trị, an ninh nội bộ, rồi đề cử ông làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre) với cấp bậc Trung tá.  Sau đảo chính (01/11/1963), ông được thăng làm Tùy viên Báo chí trong “Hội đồng quân nhân cách mạng”, rồi làm Tùy viên Văn hóa của Tòa Đại sứ Việt Nam ở Hoa Kỳ. Chính quyền Sài Gòn nghi ngờ công tác tình báo của ông và cho nhóm mật vụ ám sát. Sau, ông bị an ninh quân đội bắt và đưa về Sài Gòn và bị tra tấn. Ông hy sinh ngày 17/7/1965.  Trong thời gian này, ở miền Nam ít người biết ông là một nhà tình báo nhiều cơ mưu, chiến lược tình báo lão luyện, chỉ biết ông là nhà quân sự có khả năng chính trị và ngoại giao... Sau ngày thống nhất đất nước, ông được Đảng và Chính phủ Việt Nam truy phong liệt sĩ với hàm Đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam. |
|  | Đường hẻm số 4  (Khóm 8 - Phường 8) | Sơn Vọng | Lê Văn Tám  (trường phường 8A) | 895 | 6 | - | Nhựa | **Huỳnh Văn Quởn (Ba Quởn)**  **1948-1968** | Sinh năm 1948, dân tộc Kinh, Quê Tân Qui I, An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay của gia đình: Tân Qui I, An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh. Khi hy sinh, đồng chí là Trạm phó A532 thuộc Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ.  Năm 14 tuổi, đồng chí Quởn tham gia cách mạng tại Ban Tài chánh xã, năm 16 tuổi chuyển về công tác tại Trạm Giao bưu vận khu Tây Nam bộ A532. Hơn 4 năm công tác tại Trạm A532 (từ năm 1964 - 1968) đồng chí Quởn đã cùng cán bộ chiến sĩ Trạm A532 tổ chức hơn 450 chuyến vượt sông, đưa rước hơn 3.000 lượt khách, vận chuyển hàng chục ngàn công văn, tài liệu, thư từ và hơn 1.200 tấn vũ khí, đạn dược, trang thiết bị chiến tranh… an toàn. Đồng thời, chiến đấu hơn 150 trận lớn nhỏ chống địch càn quét, biệt kích đánh phá bảo vệ căn cứ Trạm, bảo vệ cán bộ và hàng hóa. Qua đó, tiêu diệt và làm bị thương hơn 100 tên, có 14 tên Mỹ, bắn chìm 9 tàu chiến, bắn rơi 6 máy bay, thu nhiều vũ khí các loại. Riêng đồng chí Quởn đã trực tiếp chỉ huy và tham gia 142 chuyến vượt sông, đưa rước 690 lượt cán bộ lãnh đạo quan trọng của Khu ủy, Quân khu, Tỉnh ủy và Tỉnh đội hai tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh. Đồng thời, trực tiếp chỉ huy và tham gia chiến đấu 62 trận lớn nhỏ, bao gồm 23 trận chống càn, 9 trận chống biệt kích, 12 trận đánh địch trên sông, 18 trận phá kềm… diệt và làm bị thương 42 tên địch (trong đó có 9 tên Mỹ), phá hủy 5 tàu chiến, bắn rơi 4 máy bay địch.  Tiêu biểu là trận đánh tháng 7/1965, đồng chí Huỳnh Văn Quởn cùng 2 chiến sĩ sang Phong Nẫm nhận hơn 5 tấn vũ khí và hàng hậu cần. Phát hiện ba tàu sắt địch chặn đường trên sông, đồng chí Quởn lên bờ men theo địa hình rậm rạp tiếp cận và ném thủ pháo làm một chiếc tàu bị hư hỏng nặng, diệt tại chỗ 6 tên (có 1 tên Mỹ), bị thương 6 tên, 02 chiếc còn lại hoảng sợ rút chạy, tạo điều kiện cho tàu của ta đến đích an toàn. Tháng 12/1967, nắm được qui luật hoạt động của địch trên sông, đồng chí Quởn chỉ huy một tổ chiến sĩ phục kích, nổ súng B40 làm chiếc canô bốc cháy, diệt luôn 5 tên Mỹ và tên lính phiên dịch, chiếc còn lại tháo chạy. Tháng 8/1968, đang chuẩn bị lễ tuyên bố cưới vợ và đang bị sốt rét nhưng với tinh thần tiên phong, đồng chí Quởn vẫn tham gia giải giới 2 toán phòng vệ dân sự, chặn đánh bọn bảo an dã ngoại, diệt tên thiếu uý ác ôn. Trên đường về, gặp tàu chiến địch phục kích. Sau khi phân công các chiến sĩ rời ghe, bơi đưa các tử sĩ vào bờ, còn lại một mình, đồng chí dìm chìm ghe, vừa bơi vừa kéo chiếc ghe trôi ngược với hướng đồng đội để đánh lạc hướng theo dõi của quân địch. Tàu địch chiếu đèn pha và tập trung hỏa lực vào hướng chiếc ghe. Khi các chiến sĩ Trạm A532 đưa thương binh và tử sĩ vào bờ an toàn, cũng là lúc đồng chí Huỳnh Văn Quởn đã anh dũng hy sinh.  Đồng chí Huỳnh Văn Quởn đã được tuyên dương các Danh hiệu *“Dũng sỹ diệt Mỹ”, “Dũng sỹ diệt máy bay” và “Dũng sỹ diệt tàu chiến”;* 04 giấy khen của Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ; Chiến sỹ thi đua cấp Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ; Chiến sỹ thi đua cấp khu Tây Nam bộ; Huân chương Chiến sỹ Giải phóng (I, II, III); Huân chương Quyết thắng (II, III); Huân chương Kháng chiến hạng II. |
|  | Đường Lias khóm 5, phường 8  (Khóm 5 - Phường 8) | Nguyễn Du (nhà nghỉ Hồng Huỳnh) | Thầy Muôn (giáp QL 60) (có đoạn đal rộng 5m dài 100m) | 520 | 6 | - | Nhựa | **Viễn Châu (1924- 2016)** | Sinh trưởng trong một  gia đình Nho giáo, theo đuổi Nho văn và sớm có thiên tư về âm nhạc nhưng khi lớn lên, ông lại không có thiên hướng về khoa cử hay sân khấu. Ông viết văn, làm thơ nhưng không có duyên nợ với văn chương. Năm 1945, ông chuyển sang soạn tuồng cải lương. Vở tuồng “ Hồn chiến sĩ”, vở tuồng đầu tay của ông, có nội dung chống thực dân Pháp, đã được Ủy ban Kháng chiến hành chánh quận Trà Cú (lúc bấy giờ là quận Trần Chí Nam) tổ chức hát bán vé để góp quỹ kháng chiến.  Ông chuẩn bị tham gia kháng chiến thì gia đình gặp biến cố. Năm 1946, người anh thứ sáu của ông là Huỳnh Thanh Tòng bị Pháp bắt và bị bức tử ở đồn Long Toàn. Để tránh khủng bố, ông bỏ xứ Đôn Châu lên Vĩnh Long tá túc trong nhà một người bạn rồi sau đó phiêu bạt lên Sài Gòn. Bút danh “Viễn Châu” của ông có nghĩa là xa Đôn Châu được hình thành từ thời gian này.  Năm 1947, Viễn Châu tham gia công tác thành ở Sài Gòn và bị Pháp bắt cùng với 4 đồng chí khác. Ông bị đày đi an trí ở Cẩm Giang (Tây Ninh).     Sau khi đi an trí về, ông viết vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” nhằm tố cáo chế độ thực dân Pháp, tố cáo sự bóc lột của bọn chủ đồn điền Pháp. Vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” được đoàn Việt kịch Năm Châu trình diễn vào năm 1950. Đây là vở cải lương đầu tiên của ông được trình diễn trên sân khấu đại ban.  Kể từ năm 1950, qua vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” tên tuổi Viễn Châu bắt đầu được giới mộ điệu chú ý. Và trong thời gian này, tiếng đờn tranh của ông, tiếng đờn tranh của Bảy Bá cũng được các hãng đĩa thu thanh và phát hành liên tục. Cùng với ngón đờn sến Năm Cơ, ngón đờn tranh Bảy Bá là hai ngón đờn cổ nhạc đã được giới mộ điệu đánh giá cao và coi như bậc thầy. Viễn Châu vừa là danh cầm vừa là soạn giả.  Sau năm 1975, ông cộng tác với Đoàn Văn công thành phố (1975), hãng băng Sài Gòn Audio (1978) và nhiều đoàn hát ở các tỉnh. Năm 1984, ông cùng đoàn nghệ thuật 284 lưu diễn ở các nước Tây Âu như: Đức, Bỉ, Pháp, Ý.  Một sáng tạo của Viễn Châu có ý nghĩa đặc biệt trong lĩnh vực nghệ thuật là việc ghép tân nhạc vào bản vọng cổ mà ông gọi là “Tân cổ giao duyên”. Bản “Tân cổ giao duyên” đầu tiên của ông có tựa “Chàng là ai” (nhạc Nguyễn Hữu Thiết) do Lệ Thủy ca vào năm 1964. Ngoài ra, về âm nhạc, ông cũng có sáng tác một bản nhạc tài tử ngắn tên là “Dạ khúc” đã được thu thanh trong băng cổ nhạc “Hòa tấu I” do Sài Gòn Audio thực hiện vào năm 1978.  Do có thành tích biểu diễn đờn tranh và nhiều đóng góp khác trong lĩnh vực cổ nhạc, ông đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” vào năm 1988, Nghệ sĩ Nhân dân năm 2012 để tôn vinh những đóng góp và thành tựu nghệ thuật của ông, huân chương lao động hạng III.. Ngoài các danh hiệu này, ông còn được giới mộ điệu suy tôn là “ Vua viết lời ca vọng cổ”.  Sự suy tôn này kể cũng không quá đáng. Hơn 50 năm sáng tác, ông đã để lại một kho tàng tác phẩm đồ sộ. Trên 50 vở cải lương đã được trình diễn trên các sân khấu đại ban và trên 2000 bản vọng cổ đã được các hãng đĩa, băng thu thanh và phát hành.  Những vở cải lương của ông được khán thính giả biết đến nhiều nhất là: Nát cánh hoa rừng, Tình mẫu tử, Đời cô Nga, Sau bức màn nhung, Bông ô môi, Chuyện tình Hàn Mặc Tử, Quân vương và thiếp, Qua cơn ác mộng, Nợ tình, Hoa Mộc Lan, Con gái Hoa Mộc Lan, Hai nụ cười xuân, Ai điên ai tỉnh,…  Vở cải lương “Ai điên ai tỉnh” vào tháng 02/1975, dưới thời chế độ cũ, đã được báo giới Sài Gòn bình chọn là vở cải lương hay nhất ở miền Nam năm 1974.  Về vọng cổ, nhiều bản vọng cổ của ông được thính giả ưa chuộng như: Tình anh bán chiếu, Sầu vương ý nhạc, Võ Đông Sơ – Bạch Thu Hà, Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài, Tần Quỳnh khóc bạn, Lá trầu xanh, Lòng dạ đàn bà, Lan và Điệp, Hàn Mặc Tử, Tâm sự Mai Đình, Tâm sự Mộng Cầm, Xuân đất khách, Tu là cội phúc, Gánh nước đêm trăng, Mồ em Phượng, Gánh bưởi Biên Hòa, Cô hàng chè tươi, Đêm khuya trông chồng, Mẹ dạy con, Phạm Lãi biệt Tây Thi, Phàn Lê Huê, Tự Đức khóc Bằng Phi, Bông ô môi, Ai ra xứ Huế, Đêm tàn Bến Ngự, Gió biển Hà Tiên, Đêm lạnh trong tù, Hán Đế biệt Chiêu Quân, Dương Quý Phi, Kiếp cầm ca, Đời vũ nữ, Lá bàng rơi, Biệt cố hương, Anh đi xa cách quê nghèo,…  Trong hai bản vọng cổ “Biệt cố hương” (1960) và “Anh đi xa cách quê nghèo” (1974) chứa đựng nỗi đau ly hương và nỗi nhớ quê nhà Trà Vinh của ông rất nhiều. Nỗi niềm, tâm sự của ông gần như in đậm trên từng thanh âm, làn nhạc.  Với Viễn Châu, không gian sáng tác bao trùm vẫn là thiên nhiên sông nước Nam bộ. Chiều sâu tác phẩm của ông cũng là chiều sâu tình cảm, tâm lý người Nam bộ. Tác phẩm của ông khi hòa trở lại với thiên nhiên sông nước Nam bộ, hòa tình cảm, tâm lý người Nam bộ tự nhiên có hồn và có hơi thở riêng của nó.  Dựa vào bề dày sáng tác và biểu diễn, có thể coi Viễn Châu là một trong những ngôi sao sáng của bầu trời sân khấu Nam bộ nửa sau thế kỷ 20. Những đóng góp của ông trong lĩnh vực nghệ thuật nước nhà rất đáng kể và đã góp phần không ít trong việc phát huy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. |
|  | Đường chợ Phường 9  (Khóm 5 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Cầu TW Đoàn | 900 | 5 |  | Nhựa | **Nguyễn Viết Xuân (1933 -1964)** | Là Anh hùng LLVT Nhân dân, được biết đến nhiều qua khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù! Bắn!" trong Chiến tranh Việt Nam. Ông sinh tại xóm Thượng, xã Ngũ Kiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1952, ông gia nhập Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1955, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 11 năm 1964, trong trận chiến với Không quân Hoa Kỳ tại phía tây tỉnh Quảng Bình, ông bị máy bay bắn bị thương nặng nhưng vẫn tiếp tục chiến đấu. Trong đời binh nghiệp, ông từng làm trinh sát thuộc Đại đội 3 Đoàn 99, kế đó là Tiểu đội trưởng trinh sát, Trung đội trưởng pháo cao xạ, rồi Chính trị viên phó đại đội pháo cao xạ. Khi tử trận, ông mang quân hàm Thiếu úy, Chính trị viên Đại đội 3, Tiểu đoàn 14 pháo cao xạ, Sư đoàn 325, Quân khu 4. Được truy tặng Anh hùng LLVT nhân dân. |
| **28.** | Đường Ngã tư (UBND phường 9)  (Khóm 4 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Đồng Khởi | 365 | 6 |  | Nhựa | **Lê Văn Tám (nối dài)** |  |
| **29.** | Đường hẻm Quận Nhuần  (Khóm 1 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Đồng Khởi | 265,75 | 5 | - | Nhựa | **Lê Thanh Mừng (1944-1972)** | Lê Thanh Mừng, tên thường dùng là Sáu Trương, sinh năm 1944 tại làng Tân An, tổng bình Khánh Hạ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.  Cuộc Đồng khởi 14/9/1960 nổ ra. Tân An lại trở thành vùng giải phóng. Như bao trai tráng trong xóm ấp, dù chỉ mới vào tuổi mười sáu, Lê Thanh Mừng đã tham gia vào đơn vị du kích xã, đánh giặc giữ làng. Mang tất cả lòng nhiệt thành của tuổi mới lớn, cộng với lòng yêu nước nồng nàn và ý chí căm thù bọn tay sai bán nước, chiến sĩ du kích Lê Thanh Mừng xung phong đi đầu nhiều trận đánh, từ diệt ác ôn điệp báo, chống địch càn quét đến thiết lập vòng vây, khống chế bọn tề xã, bọn dân vệ. Song song đó, anh tích cực tham gia công tác vận động quần chúng tăng gia sản xuất, phòng gian bảo mật, đấu tranh chính trị với kẻ thù...  Tháng 5/1961, Lê Thanh Mừng được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng miền Nam, nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.  Giữa năm 1962, Tỉnh đội Trà Vinh tuyển một số cán bộ, chiến sĩ du kích các xã được thử thách bản lĩnh qua thực tiễn chiến đấu để bổ sung cho đơn vị bộ đội Đặc công 513. Tháng 7/1962, Tiểu đội phó du kích Tân An Lê Thanh Mừng, sau một quá trình rèn luyện gian khổ, chính thức trở thành chiến sĩ Đaị đội Đặc công tham gia nhiều trận đánh nổi tiếng như đánh đồn tề xã Ngũ Lạc, tề xã Long Toàn, đồn Bến Đáy (Mỹ Long)... trong mỗi trận đánh, anh đều tỏ ra dũng cảm, không ngán ngại nguy hiểm hy sinh, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Do vậy, đến đầu năm 1963, Lê Thanh Mừng được kết nạp vào Đảng và được đề bạt làm cán bộ tiểu đội thuộc Đại đội 513.  Tháng 5/1963, tiểu đội Đặc công do đồng chí Lê Thanh Mừng làm Tiểu đội trưởng được tăng cường phối hợp cùng Trung đội 507 địa phương quân Cầu Ngang đánh đồn Long Phi (xã Long Hữu). Trận này ta diệt tại chỗ hơn 30 tên, thu gần 30 khẩu súng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.  Trong trận đánh tiêu diệt đồn Cái Già (xã Hiệp Mỹ), do một đại đội bảo an địch trú đóng. Tiểu đội trưởng Lê Thanh Mừng được tín nhiệm cao trong vai trò mũi trưởng mũi chủ yếu và anh cùng đồng đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ôm bộc phá luồn sâu vào đánh sập lô cốt trung tâm và tiêu diệt bộ phận chỉ huy của địch, tạo điều kiện cho bộ đội xung phong.  Những chiến công liên tiếp của Đại đội 513 nói chung và của đồng chí Lê Thanh Mừng nói tiêng đã giáng một đòn chí tử vào lực lượng lẫn tinh thần của kẻ thù, nhất là đối với bọn bảo an, dân vệ bị đưa đi đỡ đạn tại các đòn xa. Điều này đã mở ra điều kiện thuận lợi cho quân dân cả tỉnh đi vào tràn phá ấp chiến lược, xây dựng ấp chiến đấu, mở rộng vùng giải phóng, góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh Đặc biệt của địch.  Cuối năm 1964, tại Đại hội mừng công của tỉnh, đồng chí Lê Thanh Mừng được bầu là Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được tuyên dương danh hiệu Dũng sĩ diệt ngụy và sau đó được đề bạt làm Trung đội trưởng trung đội chủ công của Đại đội 513 bộ đội Đặc công tỉnh Trà Vinh.  Trong năm 1965, Trung đội trưởng Lê Thanh Mừng cùng Đại đội Đặc công 513 chiến đấu hàng chục trận lớn nhỏ chống càn quét, phục kích đánh giao thông, tiến công tiêu diệt đồn bót, hậu cứ địch... Điển hình trong số đó là những trận diệt đồn Long Khánh (Duyên Hải), diệt đồn phong Phú (Cầu Kè), diệt đồn Bến Đáy (Cầu Ngang)... Ở trận đánh nào, Lê Thanh Mừng cũng đều nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm quên mình, góp phần xứng đáng vào chiến công chung của đơn vị.  Năm 1966, Lê Thanh Mừng được đề bạt làm Đại đội phó Đại đội 513 Đặc công tỉnh Trà Vinh. Anh là một trong những cán bộ chỉ huy đại đội có tuổi đời trẻ nhất nhưng lại có bề dày thành tích, bản lĩnh chiến đấu trong các đơn vị vũ trang cách mạng tỉnh Trà Vinh giai đoạn này.  Tháng 10/1966, Tỉnh đội Trà Vinh điều đơn vị Đặc công do đồng chí Lê Thanh Mừng chỉ huy về Càng Long phối hợp cùng Đại đội 509 địa phương quân Trà Vinh và trung đội Công binh Càng Long tổ chức trận địa đánh phục kích tiêu diệt tên Quận trưởng Trương Tài Ba ác ôn.  Giữa năm 1967, ở tuổi 23, đồng chí Lê Thanh Mừng được đề bạt vào nhiệm vụ Trợ lý Đặc công Tỉnh đội kiêm Đại đội trưởng, Bí thư Chi bộ Đại đội Đặc công 513. Nghĩa là ngoài việc trực tiếp chỉ huy Đại đội 513, Lê Thanh Mừng còn có nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, xây dựng, phát triển bộ phận Đặc công trong các đơn vị địa phương quân 501, 509 đến các Huyện, Thị đội.  Vào chiến dịch Tổng công kích – tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân – 1968, đồng chí Lê Thanh Mừng trực tiếp chỉ huy Đại đội Đặc công 513 phối hợp cùng Đại đội Pháo binh 517 hình thành cánh quân ở mũi quan trọng, có nhiệm vụ đánh chiếm Sân bay, Hậu cứ Trung đoàn 14 Sư đoàn bộ binh chủ lực số 9 của ngụy. Trong chiến dịch Xuân Mậu thân, Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng bị thương và được đơn vị cho về quê vợ Trà Ôn tịnh dưỡng. Sau đó, anh tiếp tục cùng đơn vị chiến đấu và hỗ trợ cho dân các huyện Trà Ôn, Vũng Liêm chiến đấu chống lại những cuộc hành quân phản kích, lấn chiếm liên miên của địch. Đầu năm 1970, khi Khu ủy Khu Tây Nam bộ quyết định tách hai huyện này ra khỏi tỉnh Trà Vinh, nhập về tỉnh Vĩnh long, thì bộ phận Đặc công cùng đồng chí chỉ huy Lê Thanh Mừng cũng được cấp trên điều về làm nòng cốt để xây dựng và phát triển đơn vị Đặc công tỉnh Vĩnh Long.  Tháng 5/1972, đồng chí Lê Thanh Mừng chỉ huy Đại đội Đặc công tỉnh Vĩnh Long tổ chức trận địa đánh chận viện trên quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1) tại Lộc Hòa (Long Hồ). Như thường lệ, ở mũi chính diện Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng cùng một tiểu đội điểm hỏa nổ mìn, diệt một trung đội địch và chặn không cho đoàn xe địch phát triển. Cùng lúc đó, bộ phận khóa đuôi chiếm lĩnh trận địa, không cho địch có đường thoát lui và buộc chúng phải dồn lại đưa lưng cho ta tiêu diệt. Rơi vào tình thế không còn đường thoát, Tiểu đoàn 475 bảo an tiểu khi Vĩnh long chống trả quyết liệt. Đồng chí Lê Thanh Mừng bị thương những vẫn cương quyết bám trận địa chỉ huy đơn vị. Khi bộ đội ta tiêu diệt hoàn toàn Tiểu đoàn bảo an 475 thì Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng đã hy sinh bên cạnh các đồng đội, đồng chí của mình.  Với những chiến công lừng lẫy cũng như những cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 06/11/1978, đồng chí Lê Thanh Mừng đã được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tôn Đức Thắng ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| **30.** | Đường hẻm đối diện nghĩa địa Điệp Thạch  (Khóm 1 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Đồng Khởi | 285,67 | 5 | - | Nhựa | **Lê Văn Vĩnh (1926-2008)** | Lê Văn Vĩnh, còn có tên là Phạm Hữu Nghĩa, sinh năm 1926, tại làng Hòa Thinh, tổng Tuân Giáo, huyện Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ., nay thuộc xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh.  Năm 1945, khi cuộc khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Lê Văn Vĩnh hăng hái tham gia tổ chức Thanh niên Tiền phong làm nòng cốt cho phong trào quần chúng nhân dân nổi dậy, dưới sự lãnh đạo của Quận ủy Cầu Kè, giành chính quyền về tay nhân dân. Sau đó, khi thực dân pháp tái xâm lược miền Nam nước ta, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ bắt đầu cũng là thời điểm Lê Văn Vĩnh chính thức tham gia lực lượng vũ trang cách mạng. Cuối năm 1949, đồng chí Lê Văn Vĩnh cùng tiểu đội dân quân Hòa Ân được giao nhiệm vụ phối thuộc dẫn đường cho Tiểu đoàn chủ lực 308, thuộc Liên Trung đoàn 109 – 111 trong chiến dịch Bắcssama – Cầu kè. Sau chiến dịch này, đồng chí Lê Văn Vĩnh tình nguyện tham gia bộ đội, cùng Tiểu đoàn 308 cùng bộ đội chủ lực chiến đấu, lập nên nhiều chiến công khắp các tỉnh miền sông nước Cửu Long, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong chiến đấu, đồng chí Lê Văn Vĩnh được kết nạp vào Đảng và được đề bạt là cán bộ Trung đội bậc phó.  Năm 1954, khi lên đường tập kết ra miền Bắc, Lê Văn Vĩnh là cán bộ trung đội trưởng trong biên chế Sư đoàn bộ binh miền Nam đóng tại Thanh Hóa. Tại đây, như nhiều chiến sĩ trẻ khác trong đơn vị, Lê Văn Vĩnh được Đảng và Nhà nước ưu tiên cho đi học bổ túc văn hóa, học chính trị, rồi đưa sang Trung Quốc học trường Võ bị chuyên ngành Tình báo quân sự, để trở thành sĩ quan thế hệ trẻ đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại tại miền Bắc.  Trong thời gian Lê Văn Vĩnh học chuyên ngành tình báo quân sự thì tại miền Nam, kẻ thù đã trở mặt phản bội, hung hăng tiến hành cuộc chiến tranh, chà đạp lên nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta. Cuộc Đồng khởi 1960 nổ ra, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân nhân miền Nam chính thức bắt đầu và ngày càng mở rộng. Nhiều đoàn sĩ quan, cán bộ lực lượng vũ trang gốc miền Nam tại miền Bắc lần lược được bí mật đưa trở lại chiến trường theo đường Trường Sơn. Lê Văn Vĩnh nhiều lần làm đơn tình nguyện và đến cuối năm 1961, anh được lệnh lên đường về Nam chiến đấu.  Nguyện vọng được về lại chiến đấu tại vùng sông nước miền Tây Nam bộ nhưng do yêu cầu của chiến trường, Lê Văn Vĩnh được phân công về công tác tại Ban Quân sự Trung ương cục miền Nam. Đến cuối năm 1962, đồng chí Lê Văn Vĩnh được phân công về nhận công tác xây dựng Đội 36 Tình báo giao thông thuộc Bộ Tham mưu Quân khu miền Đông Nam bộ với bí danh Phạm Hữu Nghĩa. Trong khi đó, tại quê nhà Cầu Kè, thân nhân gia tộc nhận được hung tin báo tử của đồng chí Lê Văn Vĩnh sau thời gian dài bặt tin tức từ năm 1954.  Nhiệm vụ chính của Đội 36 Tình báo giao thông là nắm vững tình hình hoạt động của địch để trực tiếp xây dựng, vận hành đường giao thông công khai lẫn bí mật từ căn cứ Trung ương cục vào nội ô Sài Gòn, phục vụ các đồng chí lãnh đạo cấp cao nhất ra vào công tác.  Từ năm 1962 cho đến ngày giải phóng, Đội 36 Tình báo giao thông do đồng chí Phạm Hữu Nghĩa chỉ huy luôn vận hành tốt, trực tiếp đưa đón, đảm bảo nơi ăn nghỉ an toàn cho nhiều lượt các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Trung ương cục miền Nam, Quân khu miền Đông Nam bộ, Đặc khu Sài Gòn – Gia Định ngay tại thủ đô của ngụy quyền Sài Gòn, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.  Từ năm 1967, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa là Chỉ huy trưởng, đến năm 1971 lại kiêm luôn chính trị viên Đội 36 Tình báo giao thông Quân khu VII.  Không chỉ làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy, vận hành Đội 36 Tình báo giao thông, trong những năm 1962 – 1975, dưới những vỏ bọc hợp pháp tốt, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa nhiều lần trực tiếp đột nhập vào các cơ quan đầu não của địch, lấy được nhiều tài liệu quan trọng phục vụ cho Đặc khu ủy Sài Gòn – Gia Định, Quân khu VII và Trung ương cục miền Nam xây dựng chủ trương đối sách đánh địch. Điển hình là trận đồng chí giả danh sĩ quan liên lạc của Bộ Tổng tham mưu (ngụy) đến Tổng nha Cảnh sát lấy đi bản danh sách bọn điệp báo mà địch tổ chức cài cắm vào nội bộ năm 1964. Năm 1965, đồng chí trong vai trò một nhà báo quốc tế có mặt tại Bộ quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu (ngụy) cùng những cơ sở nội tuyến tại đây chuyển ra căn cứ những tài liệu quan trọng của việc chuyển hướng chiến lược sang chiến tranh Cục bộ và ý đồ của chúng huy động lực lượng lớn càng quét vào căn cứ Trung ương cục tại Rùm Đuôn – Xa mát… .  Năm 1967, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa và Đội 36 Tình báo giao thông được lệnh tăng cường hoạt động ở mức cao nhất. Đồng chí và đơn vị đã đưa rước, bố trí chỗ ăn nghỉ an toàn cho nhiều đồng chí lãnh đạo như Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng … vào nội ô trực tiếp nghiên cứu, nắm bắt tình hình địch, phục vụ cho Trung ương cục miền Nam xây dựng các phương án tác chiến cho trận tập kích chiến lược.  Vào chiến dịch Mùa xuân 1975, song song với việc tổ chức thu thập nhiều tài liệu quan trọng của kẻ địch, phục vụ cho lãnh đạo xây dựng các phương án tác chiến, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa cùng Đội 36 Tình báo giao thông được giao nhiệm vụ bí mật đưa rước, bố trí nơi ăn nghỉ cho Thượng tướng Trần Văn Trà và các tướng lĩnh chỉ huy Quân khu VII, Quân đoàn IV… nhiều lần vào Sài gòn trực tiếp thị sát tình hình. Chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ra sau khi mạng lưới trinh sát và giao thông tình báo trong chiến dịch, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa trực tiếp chỉ huy một tổ xung kích tổ chức đột nhập vào khu vực Bộ Tổng tham mưu vào lúc 9 giờ sáng ngày 30/4/1975. Khi các cách quân ta rầm rập tiến vào Sài Gòn, đồng chí đã mưu trí bắt giữ tên đại tá chỉ huy lực lượng phòng thủ khu vực Bộ Tổng tham mưu cùng hơn 30 tên sĩ quan khác, làm cho hệ thống phòng thủ của địch tại đây rơi vào tình trạng bị tê liệt, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị bạn tiến công, làm chủ hoàn toàn mục tiêu, tiến tới giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn mà không đổ máu.  Sau ngày giải phóng miền Nam, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa trở về với cái tên Lê Văn Vĩnh. Đồng chí Lê Văn Vĩnh được quân đội phong quân hàm thiếu tá, tiến tục giữ cương vị Chỉ huy trưởng kiêm Chính trị viên Đội 36 Tình báo giao thông Quân khu VII. Tại lễ mừng công và trao quân hàm, đồng chí Lê Văn Vĩnh cùng lúc nhận nhiều quân huy chương, danh hiệu mà trước đó vì lý do bí mật của công tác nên cấp trên không thể trao, bao gồm: 01 Huân chương quân công hạng I, 01 Huân chương chiến công hạng I, 03 Huân chương chiến công hạng III, 03 danh hiệu Dũng sĩ, 03 danh hiệu Chiến sĩ thi đua … .  Với những chiến công lừng lẫy và công lao đóng góp kiệt xuất cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, giải phóng dân tộc, ngày 6/11/1978, Đội 36 Tình báo thông Quân khu VII và Trung tá Lê Văn Vĩnh (tức Phạm Hữu Nghĩa ) – Chỉ huy trưởng kiêm Chính trị viên Đội 36 Tình báo giao thông – được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.  Năm 1984, ở tuổi 58, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Thượng tá Lê Văn Vĩnh (tức Phạm Hữu Nghĩa) – trưởng phòng Tình báo quân sự thuộc Bộ Tham mưu Quân khu VII được Đảng, quân đội cho nghỉ hưu và sinh sống cùng gia đình tại TPHCM. Do tuổi cao sức yếu, ông mất năm 2008, hưởng thọ 82 tuổi |
| **31.** | Đường hẻm trại cưa  (Khóm 1 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Đồng Khởi | 284,40 | 5 | - | Nhựa | **Hồ Đức Thắng (1922-2007)** | Tên thật là Hồ Bá Thọ, ông sớm giác ngộ cách mạng, năm 1940 tham gia cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ cướp chính quyền tại huyện Vũng Liêm. Tháng 12/1940, Hồ Đức Thắng bị bọn lính kín về tận nhà vây bắt để khai thác. Trước mọi thủ đoạn dã man của kẻ địch, Ông kiên quyết không khai báo, giữ trọn lòng trung trinh với cách mạng đúng như những gì ông đã hứa khi tổ chức phân công công tác.  Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Đức Thắng là Đoàn trưởng Đoàn thanh niên cứu quốc.  Tháng 6/1946 Hồ Đức Thắng chính thức được kết nạp Đảng.  Thời gian này, ở vùng biển Trà Vinh, khu ủy khu Tây Nam bộ chỉ đạo Tỉnh ủy Trà Vinh tuyển chọn số cán bộ, chiến sĩ giỏi nghề sông nước từ các tỉnh về thành lập Chi đội 14 Bộ đội hàng hải( một trong những đơn vị tiền thân của Hải quân nhân dân Việt Nam ngày nay). Nhiệm vụ chở gạo ra Miền Trung, miền Bắc cứu đói và vận chuyển vũ khí về Miền Nam phục vụ nhu cầu kháng chiến. đợt tuyển quân đầu tiên Quới Thiện có 8 thanh niên trúng tuyển nhưng đến ngày lên đường thì đồng chí Bảy Inh chưa thể đi vì ngày cưới đã cận kề. đồng chí Hồ Đức Thắng xin phép Chi bộ và Ủy Ban hành chánh xã cho mình đi thế với cái tên Nguyễn Văn Inh.  Chi đội 14 Bộ đội hàng hải Nam Bộ đóng quân tại các xã ven biển Trà Vinh. Trong thời gian này Hồ Đức Thăng kết hôn với chị Nguyễn Thị Ba, một cán bộ Đoàn phụ nữ cứu quốc xã Hiệp Thạnh. Cũng từ đó Cồn Ngao- Hiệp thạnh trở thành quê hương thứ 2 của Hồ Đức Thắng.  Tháng 4/1947 được giao nhiệm vụ thuyền trưởng cùng 12 thủy thủ tàu chở tài liệu, thuốc men, gạo ra Miền Trung. Khi thuyền đến vùng biển Nha Trang bị địch phát hiện. Biết không thể thoát Hồ Đức Thắng ra lệnh hủy tàu 13 cán bộ chiến sỹ đều bị bắt. Như đã hội ý trước, thuyền trưởng là người trả lời thẩm vấn còn lai 12 người trong đoàn với vai trò làm thuê nên được thả tự do. Hồ Đức Thắng bị giam giữ tại nhà tù Cát Lái và trong một lần đi lao động ông và một người bạn tù chém chết viên giám thị, vượt ngục ra chiến khu Rừng Sác tìm cách trở về đơn vị.  Tháng 3/1950 Hồ Đức Thắng được đề bạt cán bộ đại đội bậc phó và được bổ sung vào cấp ủy Chi bộ 14 Bộ đội Hàng hải Nam bộ.  Tháng 7/1952 Hồ Đức Thắng được phân công phụ trách xã đội trưởng xã Hiệp Thạnh. Sau hiệp định Geneve Hồ Đức Thắng được phân công ở lại Miền Nam. Cũng từ đây tên tuổi của đồng chí bị đưa vào danh sách tập nã. Để bảo toàn lực lượng ông được điều về Quới thiện công tác. Trong một lần bí mật về thăm gia đình ông bị địch phục kích bắt và giam ở khám lớn Trà Vinh.  Tháng 9/1959 Hồ đức Thắng ra tù và trở về Hiệp Thạnh hợp pháp làm ăn sinh sống. Trong thời gian này Hồ Đức Thắng được Chi bộ phân công phụ trách công tác quân sự và trong cuộc Đồng khởi Đồng chí đã lãnh đạo tiểu đội dân quân cùng dân quân Hiệp Thạnh bao vây Trung đội dân vệ địch trong đồn tề xã 2 ngày liền và buộc chúng ra hàng lúc 15 giờ ngày 15/9/1960. Hiệp Thạnh trở thành xã đầu tiên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tự lực giải phóng hoàn toàn.  Đầu năm 1961, Hồ Đức Thắng được Huyện ủy chỉ định làm Bí thư Chi bộ kiêm xã đội trưởng xã Hiệp Thạnh.  Trong thời gian này Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương họp và đi đến thống nhất mở đường vận chuyển trên biển vào thẳng Nam bộ. Để thực hiện các tỉnh Nam bộ cử một tàu ra Bắc vừa thăm dò cách bố trí của địch vừa mở đường vận chuyển vũ khí về Nam. Trên tinh thần đó Tỉnh ủy cử một chuyến tàu lên đường ra Bắc là chiếc tàu gỗ chạy buồm với chiếc la bàn cũ kỹ. Thủy thủ gồm 06 người, trong đó có 03 đảng viên hình thành một Chi bộ do Hai Pháp (Huyện ủy viên Trà Cú) làm Bí thư, Bảy Inh (Hồ Đức Thắng Bí thư Chi bộ Hiệp Thạnh) làm thuyền trưởng.  Trước nhiệm vụ thiêng liêng và đầy nguy hiểm có thể hy sinh bất cứ lúc nào nhưng anh em trong đoàn háo hức trước sự tín nhiệm của Tỉnh ủy nên đã cung nhau đặt tên theo bí danh khẩu hiệu ĐOÀN KẾT ĐẤU TRANH THẮNG LỢI. Cái tên Hồ Đức Thắng có từ lúc đó và đến khi ông thở hơi thở cuối cùng cũng như chính thức đi vào lịch sử truyền thống Hải quân Việt Nam và lịch sử truyền thống tỉnh Trà Vinh.  Ngày 25/8/1961 tàu Trà Vinh nhổ neo lên đường ra Bắc, sau 10 ngày lênh đênh trên biển bị bão đánh dạt vào Macao rồi được đưa về lãnh sự quán Việt Nam tại Trung Quốc và được phía bạn đưa về Việt Nam bằng đường bộ.  Tại Hà Nội đoàn được Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Trưởng ban thống nhất Pham Hùng….và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, nghe đoàn báo cáo tình hình kháng chiến ở Miền Nam, tình hình bố phòng trên biển Đông sau đó các đồng chí trong đoàn được đưa về Đồ Sơn tham gia các khóa học văn hóa, chính trị, kỹ thuật hàng hải, chuẩn bị cho nhiệm vụ trọng đại sắp tới.  Đầu năm 1962, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định đưa những chuyến hàng đầu tiên bằng đường biển vào Miền Nam. Hồ Đức Thắng cùng thủy thủ đoàn Trà Vinh được biên chế vào đoàn 759 và là Chính trị viên, Bí thư chi bộ kiêm thuyền trưởng tàu có bí số 55.  Năm 1966 Ông được đề bạt Chính trị viên Đoàn 125 thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam.  Trong thời gian từ năm 1962-1966 con tàu 55 do Hồ Đức Thắng chi huy đã vận chuyển an toàn về Miền Nam được 16 chuyến với hơn 1000 tấn vũ khí và 02 lần cập bến Cồn Tàu, Duyên Hải.  Ngày 01/01/1965 Hồ Đức Thắng được Đảng và Nhà nước tuyên dương anh hùng quân đội. Ngày 01/7/1967 đơn vị tàu 55 và Đoàn 125 vinh dự được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.  Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Tàu 55 nhận nhiệm vụ đưa các chiến sĩ Hải quân Việt Nam ra tiếp quản quần đảo Trường Sa, đảm bảo chiến thắng cuối cùng thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.  Sau ngày giải phóng Hồ Đức Thắng được giao trọng trách Phó Chính ủy Hải quân công xưởng Nhà Bè, thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu năm 1980.  Từ khi nghỉ hưu cho đến khi từ trần, Anh hùng Hồ Đức Thắng về sinh sống tại vùng quê biển Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. |
| **32.** | Đường hẻm trường Tiểu học (đối diên cổng chùa Điệp Thạch)  (Khóm 1 - Phường 9) | Nguyễn Chí Thanh | Đồng Khởi | 392,64 | 5 | - | Nhựa | **Đoàn Công Chánh (1952-1974)** | Đoàn Công Chánh thường gọi là Bảy Chánh, biệt danh đồng đội đặt cho là Bảy Đầu Thép, anh sinh năm 1952, tại ấp Phú Mỹ, xã Thanh Mỹ (nay là ấp Ô Dài, xã Mỹ Chánh) huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.  Tháng 4/1967, khi Huyện đội Châu Thành đóng quân ở chùa Sam Ron Thôm ấp Phú Mỹ, Đoàn Công Chánh tìm đến đăng ký nhập ngũ và được chấp thuận. Sau đó anh được cấp trên đưa về Đại đội C67 rồi về bổ sung cho Đại đội Đặc công 513 của tỉnh.  Từ khi vào bộ đội trở thành người chiến sĩ Đoàn Công Chánh đã thể hiện được phẩm chất, khí phách của anh Bộ đội Cụ Hồ. Anh vừa chiến đấu dũng cảm, mưu trí, vừa nổ lực học tập về quân sự chính trị nên được cấp trên tín nhiệm tin yêu, đồng đội quý mến, cảm phục.  Đầu năm 1969, khi đơn vị của Đoàn Công Chánh đang đóng quân ở địa bàn Phương Thạnh, Càng Long thì địch bất ngờ cho máy bay ném bom làm anh bị thương ở lưng phải điều trị 6 tháng. Sau khi vết thương lành hẳn anh được lãnh đạo cho đi học lớp y tá, học xong trở lại đơn vị tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ.  Sang năm 1970, Đoàn Công Chánh là trung đội trưởng của đại đội, một cán bộ chỉ huy linh hoạt, khi tiến công thì mãnh liệt chớp nhoáng, lúc bám trụ thì gan góc kiên cường, vì vậy anh có biệt danh Bảy Đầu Thép.  Đầu năm 1972, Tỉnh ủy và ban chỉ huy quân sự tỉnh chủ trương tập trung tấn công địch bằng 03 mũi, phá rã, phá lòng kìm kẹp của địch; mở rộng vùng giải phóng góp phần tạo thế cho chiến trường toàn miền giành thắng lợi. Thực hiện chủ trương đó, ngày 13/4/1972 Đại đội Đặc công 513 nhận nhiệm vụ đánh căn cứ pháo binh thuộc chi khu Tiểu Cần do một đại đội bảo an, một trung đội dân vệ và lính bình định chốt giữ. Đây là nơi địch bố phòng chặt chẽ bởi hàng rào kẽm gai, mìn và lính tuần tra cẩn mật. Trong trận này Đại đội Đặc công 513 do Đoàn Công Chánh chỉ huy mũi xung yếu cùng lực lượng của huyện Tiểu Cần đồng loạt nổ súng tấn công địch vào đêm 14/4/1972. Ta pháo kích vào chi khu đồng thời tập kịch trận địa pháo và hậu cứ đơn vị bảo an 139, tiêu diệt 02 đồn, loại khỏi vòng chiến đấu 01 đại đội địch, phá hủy 02 khẩu pháo 105 ly và trên 10 tấn thuốc nổ cùng nhiều đạn pháo. Riêng mũi của Đoàn Công Chánh, khi trận đánh sắp nổ ra thì tình thế thay đổi so với dự kiến, địch cho đốt cỏ và rào thêm hàng rào kẽm gai bảo vệ. Thế nhưng đơn vị vẫn nổ súng tấn công. Trong đó địch hoảng loạn Đoàn Công Chánh nhanh chóng dẫn mũi vào chiếm lô cốt đầu cầu. Khi mở cửa, anh trúng đạn bị thương ở đùi những vẫn nén đau cùng hai mũi khác thọc sâu vào ăn cứ phá hủy 02 khẩu pháo, 09 xe quân sự tiêu diệt cơ quan đầu não của chúng.  Đầu năm 1973, Đoàn Công Chánh được đề bạc lên làm Đại đội phó Đại đội Đặc công 513.  Tháng 4/1973, đơn vị của Đoàn Công Chánh nhận nhiệm vụ kết hợp cùng du kích xã tiêu diệt đồn Gò Cát xã Huyền Hội, huyện Càng Long. Sau 21 phút chiến đấu anh dũng, mưu trí anh đã xuất sắc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chiếm xong đồn lực lượng ta ém quân chặn đánh số còn lại trên đường trở về. Kết quả tiêu diệt được 17 tên trong đó có tên trưởng đồn, bắt sống 02 tên, thu 01 trung liên, 07 súng AR15, 02 súng XM79, 04 mìn Clâymo, 01 máy PRC25 và trên 5.000 viên đạn.  Phát huy thắng lợi sau đó đơn vị đánh tiếp đồn Vàm Bắc Trang, xã An Quãng Hữu, Trà Cú. Nhưng lần này khi lực lượng ta vừa vào được vòng rào kẽm gai thứ nhất thì địch phát hiện và nổ súng vào đội hình, anh ra lệnh cho mọi người nằm im chờ thời cơ. Sau một thời gian tưới hỏa lực không thấy ta phản kích lại, địch chủ quan. Chớp thời cơ Đoàn Công Chánh ra lệnh xông lên và ta đã nhanh chóng tiêu diệt được đồn.  Tháng 3/1973, đại đội của anh được lệnh kết hợp với trường đặc công và trinh sát của tỉnh tập kích vào tề xã Phong Phú, quận Cầu Kè. Hai tháng trước đó Đoàn Công Chánh đã vinh dự được kết nạp và Đảng Cộng sản Việt Nam.  Tỉnh đội giao nhiệm vụ cho đại đội nghiên cứu mục tiêu và giữ vai trò chủ công trận đánh. Tề xã Phong Phú là cứ điểm được bố phòng cẩn mật, có trên 40 tên gồm cảnh sát, bảo an, dân vệ lại nằm sát đường giao thông. Vào trận địch chống trả dữ dội làm đồng chí đại đội trưởng bị thương, các mũi không tiến lên được, anh dũng cảm, mưu trí lợi dụng địa hình nhanh chóng đưa bộc phá mở được được cửa và dẫn đầu đơn vị xung phong đánh vào điểm trọng yếu của địch. Còn khoảng 5 phút trận đánh thắng lợi thì anh bị trúng đạn hy sinh, lúc đó là 01 giờ 30 phút ngày 19/03/1984.  Đoàn Công Chánh đã anh dũng ngã xuống trong sự tiếc thương của mọi người. Đồng chí đồng đội đã đưa anh về an nghỉ tại Te Te – Hùng Hòa. Sau ngày đất nước thống nhất hài cốt anh được quy tập về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh.  Với thành tích xuất sắc đã tham gia chiến đấu 75 trận, tiêu diệt 26 đồn bót và gần 500 tên địch, Đoàn Công Chánh đã được tặng thưởng: 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 04 bằng khen.  Ngày 06/11/1978, anh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| **33.** | Đường 135  (Khóm 5 - Phường 9) | Lê Văn Tám | Cuối đường (giáp kênh) | 510 | 3,5 | 2 x 1 | Nhựa | **Lâm Phái**  **(1909 - ?)** | Tên chính của ông là Lâm Thái. Do quý tên hiệu vua Thành Thái, gia đình đã lo lót với chánh lục bộ, đổi tên khai sinh lại là Lâm Phái cho tiện việc học.  Thuở nhỏ, ở Trà Vinh ông học trường Tiểu học Nguyễn Văn Chưởng. Sau lên Sài Gòn học ở Gia Long học đường (trường Trung học tư thục, đối diện công viên Tao Đàn hiện nay).  Sớm có tinh thần yêu nước, lên Sài Gòn ông đã tham gia vào các phong trào học sinh chống Pháp. Ngày 24/3/1926 cụ Phan Châu Trinh mất, ông Lâm Phái đã lãnh đạo học sinh phá cổng trường ra tham gia biểu tình, để tang cụ Phan Châu Trinh. Do hành động này ông đã bị đuổi học.  Vài năm sau (1929), gia đình lo thủ tục cho ông sang Pháp du học.   Năm 1945, cách mạng tháng Tám thành công, Trà Vinh cướp chính quyền, ông Lâm Phái tham gia Thanh niên tiền phong, sau đó được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Trà Vinh (Chủ tịch là Nguyễn Văn Trí).  Ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 04/4/1946.  Năm 1948, do yêu cầu công tác, Đảng điều đồng chí Lâm Phái sang Cao Miên nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch Khu Tây Nam, Ủy viên Ban cán sự toàn quốc Campuchia rồi Phó Chủ tịch nước Campuchia (Chủ tịch nước là Sơn Ngọc Minh).  Đầu năm 1954, ông lãnh đạo một đoàn cán bộ cao cấp Campuchia gồm 16 người về Liên khu 5 học chỉnh huấn. Lúc này, để chuẩn bị dự Hội nghị Gionevơ, Chính phủ lâm thời Campuchia được thành lập và đồng chí Lâm Phái lại được cử giữ chức Bộ trưởng Linh tế - Tài chánh. Tuy nhiên, sau đó do cần phải tổ chức Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia ra công khai, nên ông không đi dự Hội nghị.  Sau Hiệp định, đồng chí Lâm Phái được trên chỉ đạo tổ chức lực lượng cán bộ Khmer, tập kết ra Bắc. Năm 1958, khi công trường 900B dời ra Phú Thọ, đồng chí Lâm Phái chuyển sang công tác ở Ban liên lạc đối ngoại Trung ương. Từ năm 1959 đến khi nghỉ hưu (1975) ông là Phó Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc của Hội đồng Chính phủ đồng thời là Ủy viên Ban dân tộc của Trung ương Đảng.  Ông là Đại biểu Quốc hội các khóa III, IV, V đơn vị tỉnh Lào Cai.  Trong quá trình hoạt động Cách mạng, ông đã được tặng nhiều Huân, Huy chương cao quý.Từng đảm nhận và hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng trong Chính phủ Việt Nam và Campuchia, đồng chí Lâm Phái thực sự là một Đảng viên ưu tú góp phần rất lớn trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và trong sự nghiệp giải phóng đất nước. |
| **34.** | Đường GTNT  (ấp Sa Bình, Huệ Sanh - xã Long Đức) | Cầu Sóc ruộng | Trương Văn Kinh | 3053 | 3.5 | 1 x2 | Nhựa | **Lê Văn Chữ (Năm Lôi) 1923 – 200…** | Đồng chí Lê Văn Chữ, bí danh Năm Lôi, ông sinh năm 1923, tham gia cách mạng và nhập ngũ tháng 4/1943, là đảng viên chính thức vào tháng 7/1947, cấp hàm khi hưu trí Đại tá quân đội Nhân dân Việt Nam. Nguyên quán Ấp Cái Trầu, xã An Lạc Thôn, Huyện Kế Sách Tỉnh Sóc Trăng. Trú quán Phường 1, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.  Đồng chí Lê Văn Chữ (Năm Lôi) đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, trong từng thời kỳ với nhiều cương vị khác nhau. Thành tích của đồng chí Lê Văn Chữ thể hiện một số trận tiêu biểu, nổi bật đã góp phần lớn phong trào cách mạng của quân dân Miền Nam nói chung, của lực lượng vũ trang Trà Vinh nói riêng và cùng nhân dân cả nước giải phóng Miền Nam, thống nhất tổ quốc.  Ngay từ khi ông nhập ngũ năm 1943 làm tiểu đội trưởng, ông đã chỉ huy đánh trận đầu tiên giành thắng lợi, diệt một tên lính Pháp, thu một súng tiểu liên đây là trận thu súng đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh Trà Vinh.  Năm 1946 đồng chí đã tực tiếp bắn rơi một chiếc máy bay đầu tiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.  Tháng 01/1947 trong trận đánh Cổ Cò huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang. Đồng chí Lê Văn Chữ một mình băng qua mưa đạn của địch leo lên xe tăng mở nắp ném lựu đạn tiêu diệt liên tục 02 xe bọc thép. Trong trận này ta diệt 14 xe quân sự, tiêu diệt 180 quân viễn chinh, thu trên 100 súng, đồng chí Lê Văn Chữ được Tổng bộ Việt Minh tặng huy hiệu “Tổ quốc ghi công” cho một người còn sống và phong vượt cấp từ Trung đội phó lên Đại đội phó rồi Đại đội trưởng.  Tháng 3/1947 đồng chí chỉ huy đánh liên tục ở 02 xã Bình Phú (Càng Long) và Giồng Ké (Vũng Liêm) diệt gọn 01 đại đội và 01 trung đội địch – Đây là trận đánh giệt gọn, được tỉnh và quân khu ra học tập rút kinh nghiệm.  Đầu năm 1948 với chiến thuật phục kích đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh đoàn tàu Công Gô chở thực phẩm. Địch tháo chạy, ta thu 9 tàu thực phẩm với hàng ngàn tấn góp phần cung cấp lương thực thực phẩm giải quyết phần lớn khó khăn cho hậu cần trong kháng chiến.  Cuối năm 1948 đại đội 993 do đồng chí trực tiếp chỉ hy đã tiêu diệt đồn La Bang thuộc xã Đôn Châu (Trà Cú) tạo điều kiện cho tiểu đòan 307 đánh chi viện, lập chiến công vang dội cả nước.  Năm 1949 trận đánh đầu tiên của chiến dịch Cầu Kè, diệt đồn Chông Nô, tiếp đến là đồn Phong Phú, đồn Ô Đùng… của đại đội 937 do đồng chí chỉ huy đã góp phần quyết định thắng lợi chung cho toàn bộ chiến dịch. Đây là trận đánh ta tiêu diệt và bắt sống hơn 260 tên địch (có 60 lính Âu Phi), gần 200 súng các loại.  Trong chiến dịch Trà Vinh năm 1950, đơn vị đồng chí cũng là đơn vị chủ công đầu tiên tiêu diệt đồn Ba Cụm, mở màng cho chiến dịch giải phóng các xã vùng ruột Trà Cú. Mở rộng vùng căn cứ cách mạng của Trà Vinh.  Vào tháng 3/1951 với lực lượng địch gấp 10 lần, bằng trận chống càn của đại đội 937 do đồng chí chỉ huy đã giành thắng lợi.  Tháng 10 năm 1963 tiểu đoàn độc lập T70 do đồng chí chỉ huy, bí mật đưa lực lượng cơ sở vào vùng trắng “diệt ác, bắt tề xã” ngay trung tâm vùng 4 chiến thuật của địch ở Cờ Đỏ, Ô Môn, Cần Thơ.  Cuối tháng 10/1963 tiểu đoàn T70 tiêu diệt tiểu đoàn sĩ quan Mỹ tại trường Huấn luyện Cà Mau, bắt sống 3 tên lính Mỹ. Đây là trận bắt tù binh đầu tiên ở Miền Tây.  Cuối năm 1963 đơn vị đồng chí đánh chi Khu Bình Hưng nổi tiếng ác ôn tại Cà Mau của bọn “Tàu Phù”, bắt sống 36 tên thu toàn bộ vũ khí.  Từ năm 1968 đến tháng 12/1971 trở lại chiến trường Trà Vinh là Tỉnh ủy viên với cương vị Tỉnh đội trưởng, đã có lần 6 ngày liên tục đồng chí chỉ huy các đơn vị của tỉnh bẽ gãy trận càn quét của sư đoàn 9 bộ binh của Mỹ. Diệt 256 tên Mỹ, bắn rơi 15 máy bay, đánh chìm 6 tàu chiến. Đây là trận đánh trực tiếp với một lực lượng Mỹ đông nhất và cũng là đợt chiến đấu giành thắng lợi lớn sau tết Mậu Thân. Góp phần làm thất bại chiến lượt chiến tranh đặc biệt của Mỹ trên chiến trường Miền Nam.  Từ tháng 12/1971 - 1975 đồng chí được phân công về Quân khu 9 làm hiệu trưởng trường Quân sự địa phương Quân khu 9, Bí thư Đảng ủy kiêm chính ủy nhà trường đã đào tạo huấn luyện cán bộ cấp xã đội trưởng cho chiến trường toàn Miền Tây.  Từ tháng 5/1975 - 1987, Đoàn trưởng Đoàn 75, Bí thư Đảng ủy – kiêm chính ủy Đoàn 75.  Từ năm 1978 đến 1983 đồng chí là sư đoàn phó Sư 868 Quân khu 9, Phó bí Thư Đảng ủy sư đoàn – cấp bặc thượng tá, đại đá. Đồng chí đã góp phần cùng bộ chỉ huy Sư đoàn đào tạo tân binh phục vụ cho chiến trường Tây Nam và công tác giúp bạn Campuchia.  Từ tháng 10/1983 đến 1992 đồng chí về hưu. Hoạt động tại Hội Cựu chiến binh tỉnh Cửu Long với nhiệm vụ phó chủ tịch rồi chủ tịch Hội cựu chiến binh tỉnh.  Từ năm 1992 chia tỉnh Cửu Long thành 02 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, đồng chí về Trà Vinh với tuổi già sức yêu nhưng vẫn thường xuyên tham gia sinh hoạt góp ý cho địa phương các vấn đề kinh tế xã hội, là gia đình luôn luôn gương mẫu chấp hành chính sách pháp luật Nhà nước; giáo dục con cháu giữ vững truyền thống gia đình tham gia xây dựng địa phương. |
| **35** | Đường Huệ Sanh | Cây xăng Phú Hòa | Giáp đường GTNT | 2500 | 3.5 |  | Nhựa | **Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi)** | Bà Nguyễn Thị Ráo, tên thường dùng là Chín Ráo, bí danh là Ba Thi, sinh ngày 11/8/1922, tại làng Long Thạnh, tổng Bình Khánh Thượng, quận Càng Long nay là xã Nhị Long Truyền thống bất khuất của gia đình đã ảnh hưởng sâu đậm đến suy nghĩ, tình cảm của bà Nguyễn Thị Ráo. Năm 1940, lúc chưa tròn 18 tuổi, bà được Chi bộ xã giác ngộ rồi giao nhiệm vụ liên lạc giữa các xã Nhị Long, An Trường, Mỹ Trường trong vai cô hàng xáo(mua bán gạo) trẻ trung vui tính. Sự năng nổ, tháo vác và mưu trí của cô giao liên trẻ đã tạo được niềm tin ở Chi bộ. năm 1943, bà được giao thêm nhiệm vụ Tổ Trưởng Nông Hội đỏ xã.  Chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám, bà được Huyện ủy Càng Long tin tưởng giao nhiệm vụ vận động quần chúng thị trấn và các vùng phụ cận tích cực nổi dậy. Cùng với các lực lượng quần chúng khác, phụ nữ Càng Long đã góp phần xứng đáng vào thành công chung. Khi chính quyền về tay nhân dân, ngày 20/9/1945 bà vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Hội nghị Phụ nữ toàn huyện, bà được chị em tín nhiệm bầu vào cương vị Hội trưởng Hội Phụ nữ Cứu quốc huyện Càng Long, đồng thời còn là Ủy viên của huyện bộ Việt Minh.  Năm 1946, đáp ứng yêu cầu của công cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp , Huyện ủy Càng Long được củng cố lại. Đồng chí Chín Ráo được đề bạt Huyện ủy viên, phụ trách công tác dân vận kiêm Bí thư Đảng Đoàn Hội Phụ nữ cứu quốc huyện.  Năm 1948, đồng chí Nguyễn Thị Ráo được rút về làm Phó Hội Trưởng rồi Hội trưởng kiêm Bí thư Đảng Đoàn Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Trà Vinh.  Năm sau, tỉnh Vĩnh Trà được thành lập từ sự sáp nhập hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, đồng chí Chín Ráo được cử đi học lớp Trường Chinh khóa III, tại miền Đông Nam Bộ. Tại đây, năm 1953, bà lập gia đình với đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển- Tỉnh Ủy viên phụ trách tuyên huấn tỉnh Gia Định. Từ đây bà có bí danh Ba Thi (Thi Tuyển). Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, đồng chí Nguyễn Thị Ráo được Đảng phân công ở lại miền Nam, tiếp tục bám địa bàn Sài Gòn – Gia Định vận động quần chúng kiên quyết đấu tranh đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, chuẩn bị Hiệp thương thống nhất đất nước. Khi địch trở mặt, khủng bố gắt gao các lực lượng cách mạng, đồng chí Ba Thi vẫn kiên cường đứng vững giữa nội thành trong sự thương yêu, che chở của quần chúng. Trong giai đoạn này, bà đảm nhiệm nhiều cương vị khác như Phó Ban Phụ Vận Sài Gòn – Gia Định ; Quyền Bí thư Quận ủy Quận Ba, Ủy viên Ban Cán sự Cánh I phụ trách Tuyên huấn các Quận Gò Vấp, Bình Hòa, Quận Nhì, Quận Ba, Phú Nhuận. Đặc biệt, giữa năm 1959, đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển (khi ấy là Bí thư Tỉnh ủy Gia Định – Ninh) hy sinh như một tin sét đánh, nhưng đồng chí Nguyễn Thị Ráo vẫn kiên cường vượt lên nỗi đau mất mát, phấn đấu cống hiến nhiều hơn nữa cho cách mạng với không chỉ phần mình mà còn cho phần người đã khuất.  Năm 1961, đồng chí Ba Thi được bầu vào Ban Chấp Hành Hội Phụ Nữ Giải Phóng Sài Gòn – Gia Định. Năm 1964, Tại Đại Hội Phụ Nữ toàn miền, bà được bầu vào ban Chấp hành Trung ương Hội Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam và được Ban Chấp hành cử vào Ban Thường Trực Trung ương hội. Từ đó đến ngày đất nước được giải phóng, đồng chí Ba Thi có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp vận động phụ nữ miền Nam đấu tranh thống nhất Tổ quốc.  Tháng 3/1969, đồng chí Nguyễn Thị Ráo tham gia đoàn đại biểu Mặt trận Dân Tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc. Đây là đại biểu phụ nữ duy nhất của đoàn. Ngày 5/3/1969 trở thành ngày trọng đại, khó có thể quên được trong cuộc đời bà - được gặp Bác Hồ và được ngồi bên Bác, báo cáo với Bác về những phong trào đấu tranh kiên cường, bất khuất của phụ nữ Việt nam.  Sau ngày 30/4/1975, đồng chí Nguyễn Thị Ráo tiếp tục công tác tại Trung ương hội phụ nữ rồi sau đó được điều về làm Phó Giám đốc Sở Lương thực thành phố Hồ Chí Minh Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa IV) ra đời đã mở ra một hướng đi mới trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Vận dụng Nghị quyết này vào thực tiễn, Thành ủy và UBND thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập Công ty Kinh doanh Lương thực thành phố. Đồng chí Ba Thi được bổ nhiệm làm Giám đốc vào tháng 7/1980 Công ty đã đảm bảo mua gạo tận gốc và bán đến tận tay người tiêu dùng, nhanh chóng làm chủ và bình ổn thị trường lương thực ở thành phố Hồ Chí Minh. Gần 4 triệu người dân thành phố Hồ Chí Minh tuy chưa thật đầy đủ nhưng đã được đảm bảo cung cấp lương thực ở mức có thể chấp nhận được. Công ty Kinh doanh Lương thực thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Ba Thi được xem là một mô hình kinh doanh năng động, hiệu quả trong cơ chế cũ và là một trong những điễn hình có giá trị giúp Đảng và Nhà nước nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong việc đổi mới cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Về vấn đề này, đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là bí thư Thành ủy TP.HCM viết: ”Mô hình Công ty Kinh doanh do chị Ba Thi làm Giám đốc chính là một hình thức quản lý kinh doanh trong thời kỳ quá độ, là quá trình thực hiện kế hoạch hóa kết hợp với việc sử dụng thị trường và đấu tranh cải tạo để làm chủ thị trường, từng bước dìu dắt tiểu thương buôn bán gạo đi vào quỹ đạo XHCN)” (Nguyễn Văn Linh - Lời giới thiệu sách: Một phương thức quản lý mới - Công ty chị Ba Thi . NXB TP.HCM-1984).  Chính do vậy , để ghi nhận sự đóng góp của nữ Giám đốc Ba Thi , năm 1983, hội đồng Nhà nước đã tặng thưởng bà huân chương Lao động hạng nhì. Tiếp đó, năm 1984 bà lại được tặng huân chương Lao động hạng nhất. Và năm sau, 1985, bà là một trong số không nhiều phụ nữ Việt Nam được tuyên dương Anh hùng Lao động.  Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI – năm 1986, với chủ trương đổi mới đất nước một cách toàn diện, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, giúp Công ty một động lực mới để phát triển mạnh mẽ. Hạt gạo Việt Nam đã không những đảm bảo được nhu cầu trong nước mà bắt đầu có lượng hàng hóa dôi ra ngày càng lớn. Một doanh nghiệp bắt tay vào lĩnh vực xuất khẩu gạo, trong đó Công ty của Ba Thi là đơn vị tiên phong. |